

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2023/HS-ST
Ngày 21-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nay Y Nốt
2. Bà Tạ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

Kpă S, sinh năm 1993 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn M, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con Ksor D và bà Kpă H'N; bị cáo có vợ, 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không, nhân thân: tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/9/2022, ngày 03/10/2022 chuyển sang tạm giam và giam liên tục cho đến nay. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Kpă Y, sinh năm 2002; trú tại: Buôn M, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Ksor A, sinh năm 2000; trú tại: Buôn B, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Anh Kpă Y1, sinh năm 1995; trú tại: Buôn M, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Ông Ksor D, sinh năm 1964; trú tại: Buôn M, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người làm chứng:

Anh Rah Lan C, sinh năm 1997; Trú tại: Buôn M, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Anh Nay G, sinh năm 1990; Trú tại: Buôn M, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Anh Kpă R, sinh năm 2000; Trú tại: Buôn M, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người phiên dịch tiếng Jrai*: Anh Nay Dăm T, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 06/5/2022, Kpă S cùng Kpă Y, Kpă R, Kpă Y1, Nay G, Rah Lan C và Ksor A ngồi uống rượu tại tổ dân phố 1, thị trấn P. Trong quá trình nhậu thì Kpă S mời Kpă Y không uống nên Kpă S đứng dậy đá ghế, đòi đánh Kpă Y, thì Kpă Y đâm Kpă S một cái vào người, được mọi người can ngăn. Kpă S bỏ đi về nhà, Kpă Y cùng nhóm người còn lại đi đến sân bóng đá thuộc buôn M, xã P ngồi chơi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Kpă S đi xe mô tô biển kiểm soát 81N1-062.44, cầm theo 01 con dao rựa đến gặp Kpă Y, yêu cầu Y phải xin lỗi nhưng Y không xin lỗi và nói “thích thì đánh nhau”, Y vừa nói xong thì Kpă S cầm sẵn dao rựa chém liên tiếp vào người Y thì 01 nhát trúng vào ngực, 02 nhát trúng vào cánh tay trái của Y. Thấy vậy nhóm Kpă R, Kpă Y1, Nay G, Rah Lan C và Ksor A chạy đến can ngăn thì S bỏ chạy để lại dao rựa và xe máy. Lúc này Kpă Y1 và Ksor A dùng dao S bỏ lại đập phá phần đầu xe mô tô của S. Kpă Y được mọi người đưa đi cấp cứu, đến ngày 13/5/2022 thì Kpă Y xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 185/2022/TgT ngày 23/6/2022 của trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Kpă Y do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 14% (mười bốn phần trăm); cơ chế gây thương tích là vật có cạnh sắc tác động trực tiếp vào cơ thể.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS, ngày 22/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K xác định thiệt hại hư hỏng xe mô tô biển kiểm soát 81N1-062.44 là 1.630.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 45/CT- VKS ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Kpă S theo điểm đ, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với bản kết luận giám định pháp y về thương tích và bản kết luận định giá tài sản.

Đối với hành vi của Kpă Y và Ksor A làm hư hỏng xe mô tô 81N1-062.44 của Kpă S, gây thiệt hại 1.630.000 đồng và không thuộc các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm đ khoản 1 Điều 178 BLHS nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Điều 178 BLHS. Hành vi của Kpă Y1 và Ksor A đã bị đề nghị xử phạt hành chính là phù hợp.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Kpă S theo điểm điểm đ, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm đ, Khoản 2, Điều 134 BLHS, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Kpă S từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

Về dân sự: Trước khi mở phiên tòa bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường thiệt hại là 45.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại vẫn đồng ý sự thỏa thuận này. Cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

Đối với thiệt hại do hư hỏng xe mô tô 81N1-062.44 là 1.630.000 đồng, chủ sở hữu là ông Ksor D yêu cầu Kpă Y1 và Ksor A phải liên đới bồi thường, anh Kpă Y1 và Ksor A đồng ý bồi thường. Cần công nhận sự thỏa thuận này của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về vật chứng:

01 (một) cây rựa màu đen dài 70cm, phần cán gỗ dài 30cm, phần lưỡi dài 40cm, bản rộng 4cm, đã gãy. Đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu đen, biển kiểm soát 81N1-062.44. Số máy 152FMH367962, số khung H1MN8H003962. Đây là tài sản hợp pháp của ông Ksor D, nên cần phải trả lại cho chủ sở hữu.

Về án phí: Buộc bị cáo Kpă S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Kpă Y1 và Ksor A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Xuất phát từ mâu thuẫn trên bàn nhậu, tuy đã được mọi người can ngăn nhưng Kpă S vẫn cố ý đến cùng dùng dao rựa chém Kpă Y, gây tổn thương cơ thể Y là 14%. Như vậy, hành vi của bị cáo rõ ràng là có lỗi và

sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ pháp lý.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, lời luận tội của Kiểm sát viên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Kpă Y đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 2 Điều 134 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo dùng dao rựa cố ý gây thương tích cho anh Kpă Y thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm” theo tinh thần hướng dẫn tại các tiểu mục 2.1 và 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 và tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hành vi của bị cáo gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Không có

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và hình phạt :

Sức khỏe của con người luôn là vốn quý được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi gây thương tích trái pháp luật cho người khác phải bị xử lý theo quy định để không chỉ răn đe mà còn phòng ngừa chung. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Krông Pa, gây hoang mang trong dư luận khu dân cư. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng với lỗi cố ý.

Hành vi của bị cáo thể hiện tính nóng cuồng, côn đồ, hung hãn, sẵn sàng gây thương tích cho người khác dù mâu thuẫn nhỏ nhất bằng hung khí nguy hiểm. Từ đó thấy được sự coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác. Do đó, bị cáo phải chịu một mức án nghiêm khắc để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời mang tính răn đe, phòng ngừa trong một tầng lớp không nhỏ thanh thiếu niên chơi bời, lêu lổng trong khu dân cư.

Tuy nhiên cần xét bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ và nhận thức pháp luật còn hạn chế, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại cũng có một phần lỗi, tại phiên tòa người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho bị cáo.

Đối với hành vi của Kpă Y1 và Ksor A làm hư hỏng xe mô tô 81N1-062.44 của Kpă S, gây thiệt hại 1.630.000 đồng và không thuộc các trường hợp quy định từ điểm a

đến điểm đ khoản 1 Điều 178 BLHS nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Điều 178 BLHS. Hành vi của Kpă Y1 và Ksor A đã bị đề nghị xử phạt hành chính là phù hợp.

[4.2] *Về dân sự*: Trước khi mở phiên tòa bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường thiệt hại số tiền là 45.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại vẫn đồng ý sự thỏa thuận này. HĐXX, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

Đối với thiệt hại do hư hỏng xe mô tô 81N1-062.44 là 1.630.000 đồng, chủ sở hữu là ông Ksor D yêu cầu Kpă Y1 và Ksor A phải liên đới bồi thường, anh Kpă Y1 và Ksor A đồng ý liên đới bồi thường.

[4.3] *Về vật chứng*: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây rựa màu đen dài 70cm, phần cán gỗ dài 30cm, phần lưỡi dài 40cm, bản rộng 4cm, đã gãy.

Trả lại cho chủ sở hữu là ông Ksor D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu đen, biển kiểm soát 81N1-062.44. Số máy 152FMH367962, số khung H1MN8H003962.

Đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa.

[4.4] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Buộc Kpă Y và Ksor A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Kpă S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Kpă S 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 30/9/2022.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của BLHS 2015; Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Kpă S và anh Kpă Y. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Kpă Y số tiền 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Ksor D và anh Kpă Y1, anh Ksor A. Buộc anh Kpă Y1 và anh Ksor A phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Ksor D số tiền 1.630.000 đồng. Cụ thể anh Kpă Y1 và anh Ksor A mỗi người phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Ksor D số tiền là 815.000 đồng (*tám trăm mười lăm nghìn đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây rựa màu đen dài 70cm, phần cán gỗ dài 30cm, phần lưỡi dài 40cm, bản rộng 4cm, đã gãy.

Trả lại cho chủ sở hữu là ông Ksor D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu đen, biển kiểm soát 81N1-062.44. Số máy 152FMH367962, số khung H1MN8H003962.

Đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Kpă S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Kpă Y1, anh Ksor A mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

5. *Quyền kháng cáo:* Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (21/02/2023) lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (02 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Dương sự;
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Dung

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TM. H
Th

Lê Thị Dung

